

ĐẠO GIÁO:

SỰ HÌNH THÀNH - PHÁT TRIỂN VÀ VĂN HÓA ĐẠO GIÁO

Đạo giáo là tôn giáo ra đời và phát triển ở Trung Quốc. Tuy hình thành muộn hơn Phật giáo, nhưng ngọn nguồn tư tưởng của Đạo giáo lại có từ rất sớm. Về đại thể, có bốn nguồn chủ yếu sau: 1. Tôn giáo nguyên thủy và thuật cúng bái (vu thuật). Trong xã hội viễn cổ, người ta không thể lý giải nổi những biến hoá của vạn vật trong tự nhiên và hiện tượng sinh- lão- bệnh- tử của con người. Họ cho rằng có một sức mạnh siêu nhiên (Thần lực) chi phối tất cả, từ đó xuất hiện sự sùng bái tự nhiên và tổ tiên, cùng những biện pháp cúng tế và cầu nguyện, mong được quỷ thần phù hộ độ trì. Đó chính là “thuật cúng”. Người hành nghề cúng bái gọi là “Vu nhân”. Người thời đó cho rằng, thầy cúng có khả năng nối liên quan hệ giữa con người với quỷ thần, và dựa vào cúng bái người ta có thể tai qua nạn khỏi. Thuật cúng này đã được Đạo giáo hấp thụ, kế thừa; 2. “Phương thuật” xuất hiện thời Xuân Thu- Chiến Quốc (năm 770- 221 Tr.CN). Đây là một thuật lạ, dùng phép luyện đan để mong có thứ thuốc trường sinh bất lão, có thể thành tiên, nên còn gọi là “Tiên thuật”. Những người thạo phép luyện đan, tin tưởng thần tiên gọi là “Phương sĩ”. Sau thời Xuân Thu- Chiến Quốc, phương thuật vô cùng thịnh hành. Tần Thủy Hoàng, Hán

Vũ Đế đều từng mê tín Phương sĩ, phái họ đi tìm thuốc tiên trên biển, cầu mong được trường sinh bất lão. Loại phương thuật này và tín ngưỡng thần tiên của nó cũng trở thành một trong những ngọn nguồn tư tưởng quan trọng của Đạo giáo; 3. Học thuyết Âm dương Ngũ hành. Vào giữa thời Tần- Hán, tư tưởng Âm dương Ngũ hành của Trâu Diễn thời Chiến Quốc đã lưu hành rộng rãi, dù là Đạo gia, Nho gia hay các Phương sĩ đều chịu ảnh hưởng của nó. Điều này được thể hiện khá rõ trong Lễ ký, Lễ thị xuân thu và kinh điển Đạo giáo sau này- khi nó đã trở thành căn cứ lý luận quan trọng của Đan học; 4. Học thuyết Hoàng Lão. Các môn đồ của Lão- Trang coi Hoàng Đế trong truyền thuyết và Lão Tử thời Xuân Thu là những người sáng lập Đạo giáo. Theo họ, Hoàng Đế và Lão Tử đều chủ trương dùng thuật thanh tịnh để trị thiên hạ, hơn nữa khái niệm “Đạo” mà các Đạo gia sùng bái lại có khuynh hướng thần bí hoá, và lý luận dưỡng sinh mà họ tán dương cũng bao hàm tư tưởng trường sinh. Những nội dung tư tưởng này đều được Đạo giáo tiếp nhận. Sau đó, Hoàng Đế và Lão Tử lại không ngừng được thần bí hoá và tôn giáo hoá. Đến thời Đông Hán (năm 25- 220) thì xuất hiện “Đạo Hoàng Lão”, suy tôn

Hoàng Đế và Lão Tử là giáo chủ. Đó chính là tiền thân của Đạo giáo.

Vậy, Đạo giáo chính thức xuất hiện từ bao giờ? Theo các học giả Trung Quốc, tôn giáo này xuất hiện vào giữa thời Đông Hán, nhưng có hai giả thuyết khác nhau. Theo giả thuyết thứ nhất, thời Hán Thuận Đế có một người Lang Tà tên là Vu Cát nói rằng mình có 170 quyển sách thần, gọi là “Thái bình thanh lãnh thư” (tức Thái Bình Kinh), mà môn đồ của ông muốn hiến cho hoàng đế. Nội dung sách vô cùng bâng tạt, chủ yếu nói về Âm dương Ngũ hành và bùa chú, thần tiên. Đó là sự kiện khởi đầu, đánh dấu sự ra đời của Đạo giáo. Giả thuyết thứ hai thì cho rằng, chính Trương Lăng (còn gọi là Trương Đạo Lăng)- người cùng thời với Vu Cát- mới là người sáng lập Đạo giáo. Trương Lăng vốn là Huyện lệnh ở Châu Giang quận Ba (nay là thành phố Trùng Khánh) dưới thời Hán Minh Đế, sau ẩn cư trên núi Hộc Minh (nay ở huyện Đại Ấp, tỉnh Tứ Xuyên). Ông ta tự soạn sách Đạo, gồm 24 thiên, tôn Lão Tử làm giáo chủ, sáng lập tôn giáo riêng, chủ trương dạy người ta phải biết ăn năn hối lỗi, thờ Đạo và dùng bùa phép phù thủy để trị bệnh cứu người. Đạo của Trương Lăng nhanh chóng thu hút được nhiều tín đồ. Phạm là người nhập đạo thì phải nộp 5 đấu gạo, vì thế đạo này được gọi là “Ngũ đấu mễ đạo”. Sau này Trương Lăng được tín đồ tôn là “Thiên sư”, đạo này lại có tên gọi là “Thiên sư đạo”. Đến cuối thời Đông Hán, có ba anh em Trương Giác, Trương Bảo, Trương Lương ở Hà Bắc suy tôn Thái Bình Kinh là kinh điển, Lão Tử làm giáo chủ, sáng lập ra “Thái Bình đạo”. Đạo của ba anh em họ Trương cũng dùng bùa

phép phù thủy để trị bệnh cứu người, thu hút được đông đảo đạo đồ, để rồi sau đó, Trương Giác đã phát động cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân nổi tiếng trong lịch sử. Thái Bình đạo chính là một lưu phái của Đạo giáo thời kỳ đầu.

Tín ngưỡng căn bản của Đạo giáo chính là “Đạo” (hoặc “Đại Đạo”). Đây là một khái niệm mượn dùng của Đạo gia, vì thế, nó vừa có mối liên hệ lại vừa có sự khác biệt với phạm trù “Đạo” của Lão Tử. Đạo giáo cho rằng, Đạo là “Mối liên kết hư vô, tốt cùng của tạo hoá, gốc của thần linh, bắt đầu của trời đất” (Hư vô chi hệ, tạo hoá chi cực, thần minh chi bản, thiên địa chi nguyên); vũ trụ, âm dương, vạn vật đều do Đạo hoá thành (vạn tượng dĩ chi sinh, ngũ hành dĩ chi thành). Điều này có nghĩa, “Đạo” là bản thể của vũ trụ, là cội nguồn của vạn vật trong trời đất. Nó tồn tại ở mọi nơi, sinh ra tất cả, hoá thành tất cả, bao dung tất cả, là vật sáng thế vô cùng trừu tượng. Đạo giáo đồng thời còn cho rằng “Đạo” là vô vi tự hoá; chỉ có thanh tĩnh vô vi, diêm đạm, không ham muốn, người ta mới có thể lĩnh hội được “Đạo”. Theo Đạo giáo, Lão Tử chính là hoá thân của “Đạo” vậy. Trời sinh “Đạo”, “Đạo” sinh “Nguyên khí”, “Nguyên khí” hoá sinh “Tam Thanh” (nhất khí hoá Tam Thanh). Đây chính là ba nơi trên thiên giới tiên cảnh mà ba vị thần tối cao được Đạo giáo tôn sùng trú ngụ: Thần “Nguyên Thủy Thiên Tôn” trú ở Ngọc thanh cảnh thanh vi thiên, gọi là Ngọc Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn (hoặc Thiên Bảo Quân); Thần “Linh Bảo Thiên Tôn” trú ở Thượng thanh cảnh dư vũ thiên, gọi là Thượng Thanh Linh Bảo Thiên Tôn (hoặc Thái Thượng Đạo Quân); Thần “Đạo Đức Thiên Tôn” trú ở Thái thanh cảnh đại xích thiên, gọi là

Thái Thanh Đạo Đức Thiên Tôn (hoặc Thái Thượng Lão Quân). Chức năng của ba vị thần này là truyền thụ cho mọi người những sách quý nơi thiên giới, bởi vậy, Đạo giáo còn gọi Đạo kinh là “Tam động chân kinh”. Dưới “Tam Thanh” lại có “Tứ Ngự”, là bốn vị thiên thần trong kinh điển Đạo giáo, địa vị chỉ sau Tam Thanh: Vị thứ nhất là “Thiên kim khuyết chí tôn Ngọc Hoàng đại đế”, tổng quản chính quyền nơi thiên giới, có quyền ra lệnh cho các vị thần khác, tương tự như hoàng đế ở cõi trần. Có thuyết cho rằng vị thần này là con vua nước Quang Nghiêm Diệu Lạc, song từ bỏ vương vị, học đạo tu thân, trải qua muôn vàn tai hoạ, cuối cùng trở thành Ngọc Hoàng đại đế. Khác với Đạo giáo, trong số các vị thần dân gian ở Trung Quốc, Ngọc Hoàng lại là thiên thần tối cao- như tiểu thuyết Tây du ký từng miêu tả, có thể chỉ huy được cả Thái Thượng Lão Quân. Điều này hoàn toàn khác với hệ thống thần tiên trong Đạo giáo; Vị thần thứ hai là “Trung thiên tử vi bắc cực đại đế”, giúp Ngọc Hoàng quản lý khí hậu bốn mùa, mặt trời, mặt trăng và các vì sao; Vị thần thứ ba là “Câu trần thượng cung thiên hoàng đại đế”, giúp Ngọc Hoàng cai quản Tam tài (thiên, địa, nhân) và việc binh đao ở cõi trần; Vị thần thứ tư là nữ thần “Thừa thiên địa pháp thổ hoàng địa chi”, quản lý việc sinh đẻ, vẻ đẹp của vạn vật và núi non, sông nước. Ngoài ra, trong phả hệ thần tiên của Đạo giáo còn có “Vương mẫu nương nương” cai quản tiên nữ; “Cửu thiên huyền nữ” coi giữ thiên thư; “Tứ trực công tào” trông coi ngày, tháng, năm; “Tam thập lục thiên cang” và “Thất thập nhị địa sát” cai quản các vì sao,...

Đạo giáo có đặc điểm căn bản là đã bảo lưu khá nhiều phương thuật và tín ngưỡng dân gian. Lý luận tôn giáo và tổ chức tín ngưỡng của nó đều thích ứng mật thiết với văn hoá truyền thống và phong tục sinh hoạt của Trung Quốc; Đạo giáo không chỉ giữ lại được nhiều nhân tố tôn giáo tự nhiên trong lịch sử, nó còn chủ động đưa vào nhiều thành phần mê tín. Nội dung tôn giáo và tổ chức truyền đạo của nó bao hàm một số phương diện của Đạo gia, thuật thần tiên và nghi thức trị bệnh cứu người. Con người trường sinh bất lão, có thể thành tiên là mục tiêu tín ngưỡng của Đạo giáo, đồng thời với việc coi tu thân dưỡng tính là lợi ích hiện thực đã chứng tỏ Đạo giáo là một tôn giáo vừa coi trọng lợi ích trước mắt, vừa truy cầu mục tiêu lâu dài. Đây là điều rất phù hợp với truyền thống của người Trung Quốc.

Sau khi ra đời, tốc độ phát triển của Đạo giáo nhanh hơn nhiều so với Phật giáo. Ví dụ như Thái Bình đạo do Trương Giác sáng lập, chỉ trong hơn 10 năm- từ năm 170 đến 183-, đã có tới mấy chục vạn đạo đồ, phân bố ở nhiều địa phương như: Thanh Châu, Dự Châu, U Châu, Kinh Châu, Dự Châu, Dương Châu, ...để rồi dẫn đến cuộc khởi nghĩa nông dân Hoàng Cân có quy mô cực lớn. Lại như Ngũ đầu mẽ đạo: Cháu trai của Trương Lăng là Trương Lỗ đã dựa vào đạo đồ đông đảo để công chiếm Hán Trung và dựng lên ở đó một chính quyền có tính khu vực, tồn tại suốt hơn 30 năm mới bị Tào Tháo tiêu diệt. Từ cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân và chính quyền Trương Lỗ, Tào Tháo đã nhận ra sức mạnh của Đạo giáo, nên sau khi đánh dẹp chính quyền Trương Lỗ, ông ta bèn sử dụng chính sách phân hoá Đạo giáo

và lợi dụng tôn giáo này một cách hạn chế. Về sự phát triển nhanh chóng của Đạo giáo và một số thành công của nó, có ba nguyên nhân chủ yếu sau: *một là*, tư tưởng triết học mà Đạo giáo dựa vào được sản sinh trên chính đất nước Trung Hoa, lại có quá trình lưu hành gần 500 năm từ thời Chiến Quốc đến cuối thời Đông Hán, gây được ảnh hưởng rộng rãi, nên nó có nền tảng dân tộc nhất định. Những vị thiên thần mà Đạo giáo tín ngưỡng đều thoát thai từ những câu chuyện thần thoại viễn cổ, truyền thuyết dân gian và học thuyết của các nhà thiên văn- địa lý, được người dân Trung Quốc rất quen thuộc; *hai là*, biện pháp truyền đạo của tôn giáo này liên quan trực tiếp đến lợi ích thiết thân của đông đảo quần chúng thuộc mọi giai tầng. Dù theo Thái Bình đạo hay nhập Ngũ đẩu mẽ đạo, người mắc bệnh đều phải uống thuốc trị bệnh. Chỉ cần một lần khỏi, người ta sẽ sẵn lòng tin tưởng; *ba là*, khẩu hiệu nhập đạo thành tiên có sức mê hoặc khá lớn. Đã “bất lão” lại có thể “thành tiên”- không thể nghi ngờ, đó là con đường đầy hy vọng đối với một dân chúng mê tín và bần hàn đương thời. Song, Đạo giáo tuy phát triển nhanh, nhưng ảnh hưởng về sau của nó lại không lớn bằng Phật giáo, bởi tính mê hoặc mà Đạo giáo tuyên truyền không cao siêu, thâm trầm như Phật giáo. Phật giáo chú trọng việc giải thoát, nhấn mạnh đến thế giới Tây phương cực lạc mà con người sẽ “đến” sau khi chết. Giải thoát về tinh thần, mọi người khả dĩ thể nghiệm; thế giới Tây phương cực lạc thì phải sau khi chết, người ta mới có khả năng thể nghiệm! Giải thoát tinh thần là có thực, thế giới ảo vọng “cực lạc” lại là hư. Lấy cái thực để chứng minh cho cái hư, tính mê hoặc

của nó đương nhiên là rất lớn. Đạo giáo rao giảng trường sinh bất lão, có thể thành tiên của con người. Song có điều, trường sinh thì không thể; thành tiên thì chưa có ai thể nghiệm. Cả hai đều là hư. Lấy hư để chứng hư, tính mê hoặc của nó vì thế không thể so với Phật giáo.

Giai đoạn phát triển quan trọng nhất của Đạo giáo là thời kỳ Ngụy- Tấn- Nam, Bắc triều. Có hai nguyên nhân, *một mặt* là sự phát triển của Phật giáo đã kích thích Đạo giáo phát triển, nghĩa là về lý luận và thực tiễn, Đạo giáo cần phải phát triển năng lực đối kháng, nhằm làm suy yếu ảnh hưởng của Phật giáo, nâng cao vị thế của mình; *mặt khác*, từ các cuộc khởi nghĩa nông dân cuối thời Đông Hán, các bậc đế vương phong kiến đã nhận ra sức mạnh của Đạo giáo, từ đó chủ trương lợi dụng tôn giáo này để ru ngủ quần chúng, củng cố địa vị thống trị của mình. Trong bối cảnh đó, đã xuất hiện bốn nhân vật có cống hiến rất lớn đối với sự phát triển của Đạo giáo. Người thứ nhất là Cát Hồng (284- 364), hiệu là “Bão phác tử”, người huyện Câu Dung, tỉnh Giang Tô ngày nay. Thời trẻ, Cát Hồng đã say mê thuật thần tiên, lại được Cát Huyền- em ruột của ông nội- vốn là một Phương sĩ nổi tiếng thời Tam Quốc dạy dỗ. Cát Hồng từng giữ một chức quan nhỏ ở Triều Trung, sau đó ông ta từ quan, sống ẩn cư ở núi La Phù luyện đan, viết sách. Tác phẩm Bão phác tử có hai phần nội- ngoại thiên, gồm 70 quyển, trong đó Cát Hồng đã kết hợp tư tưởng Nho gia với tư tưởng thần tiên của Đạo giáo, trình bày một cách hệ thống lý luận và phương pháp “đưỡng sinh kéo dài tuổi thọ, sự biến hoá của quỷ quái và các vị thuốc thần tiên”. Với nội dung vô cùng phong phú, tác phẩm trên đã góp

phần thúc đẩy sự phát triển của Đạo giáo trên phương diện lý luận. Hiện nay, còn lưu lại rất nhiều di tích và truyền thuyết liên quan đến Cát Hồng. Người thứ hai là Khấu Khiêm Chi (365- 448), Đạo sĩ thời Bắc Ngụy, người huyện Xương Bình- Bắc Kinh ngày nay. Sau 7 năm tu đạo ở vùng rừng núi tỉnh Hà Nam, năm 25 tuổi, Khấu Khiêm Chi tự nhận mình được Thái Thượng Lão Quân trao cho chức “Thiên Sư” và trách nhiệm chỉnh đốn Đạo giáo. Kể từ đó, ông ta bắt đầu có ảnh hưởng trong giới Đạo sĩ. Trải qua 8 năm nữa, Khấu Khiêm Chi lại tuyên bố bản thân được Lão Tử sai phụ giúp “Thái Bình Chân Quân” ở miền Bắc, nên được Thái Võ Đế triều Bắc Ngụy rất tín nhiệm. Nghe lời tuyên truyền của ông ta, Thái Võ Đế tiêu diệt Phật giáo, đề cao Đạo giáo, cho ông ta quyền cải cách Thiên sư đạo. Khẩu hiệu của Khấu Khiêm Chi là “Trừ khử tam Trương (Trương Lăng, Trương Hoàn, Trương Lỗ) nguy pháp”, sau đó lập ra tông phái “Bắc thiên sư đạo”, phục vụ chính quyền đương thời. Người thứ ba là Lục Tu Tĩnh (406- 477), Đạo sĩ nước Tống thời Nam triều, người huyện Ngô Hưng, tỉnh Chiết Giang ngày nay. Từ nhỏ, Lục Tu Tĩnh đã xuất gia tu đạo, thích nghề bán thuốc nay đây mai đó. Về sau, được sự ủng hộ mọi mặt của vương triều Lưu Tống, ông ta đến Lư Sơn “Noi theo tam Trương, mở rộng nhị Cát (Cát Huyền, Cát Hồng)” (Tổ thuật tam Trương, hoàng diễn nhị Cát), tiến hành chỉnh lý hệ thống kinh điển Đạo giáo, chế định các nghi thức, quy phạm trai giới, khiến lý luận và hình thức tổ chức của Đạo giáo ngày càng hoàn thiện, sau được tôn là “Nam thiên sư đạo”. Đạo quán Giản Tịch ở Lư Sơn ngày nay chính là Đền phép của Lục

Tu Tĩnh lúc sinh thời. Người thứ tư là Đào Hoàng Cảnh (456- 536), đệ tử của Lục Tu Tĩnh. Là người hiểu biết về lý luận Đạo giáo, nghề thuốc và luyện đan, nhưng cống hiến lớn nhất của Đào Hoàng Cảnh đối với lịch sử phát triển của Đạo giáo là ở chỗ đã thu thập, hệ thống hoá được hơn 700 vị thần tiên của tín ngưỡng Đạo giáo. Trong tác phẩm Chân linh vị nghiệp đồ của mình, ông ta đã phân biệt rạch ròi đẳng cấp, công lao của các vị thần tiên, tưởng tượng ra một phủ hệ thần tiên có thứ tự chặt chẽ rành mạch, vừa bao quát lại vừa tinh tế, khiến Đạo giáo hình thành một hệ thống tín ngưỡng phong phú.

Thời kỳ Đường- Tống là giai đoạn hưng thịnh và phát triển của Đạo giáo. Lí luận Đạo giáo ngày càng sâu sắc, chế độ của nó cũng không ngừng hoàn thiện. Giai tầng thống trị phong kiến qua các triều đại phần lớn đều sử dụng chính sách sùng giáo, lợi dụng Đạo giáo để củng cố nên thống trị của mình. Đường Cao Tông từng coi Lão Tử là ông tổ của họ Lý (là họ của các vua triều Đường), truy phong Lão Tử là “Thái thượng huyền nguyên hoàng đế”, lệnh cho các châu đều phải xây Đạo quán để thờ phụng. Thời Đường Huyền Tông lại lệnh cho mỗi nhà phải có một cuốn Lão Tử, quy định Lão Tử là chân kinh. Một trước tác Đạo gia khác là tác phẩm Trang Tử cũng được coi là kinh điển Đạo giáo. Việc nghiên cứu sách Đạo và những sáng tác về chủ đề Đạo giáo ngày càng thịnh hành, có tác dụng kích thích sự phát triển của lý luận Đạo giáo. Đến thời Tống, nhà nước chủ trương chỉnh lý kinh điển Đạo giáo, đồng thời sức cho các nơi xây dựng Đạo quán. Tống Huy Tông còn tự xưng là “Giáo chủ đạo quân hoàng đế”,

lệnh cho toàn quốc phải cầu tiên học Đạo. Trong nhà Thái học còn lập ra học vị Tiến sĩ Đạo đức kinh. Những chủ trương trên khiến Đạo giáo phát triển mạnh mẽ. Hai triều đại Nguyên- Minh cũng rất tôn sùng Đạo giáo. Minh Thế Tông thậm chí còn tự xưng là “Huyền đô cảnh vạn thọ đế quân”, bản thân không màng đến triều chính, tự lập đàn trai giới và tế thần, bổ nhiệm Đạo sĩ vào những chức vụ quan trọng trong triều, khiến quan hệ giữa chính quyền với Đạo giáo ngày càng mật thiết. Từ nửa sau triều Minh, Đạo giáo quan phương dần dần mất uy thế, nhưng Đạo giáo thông tục trong dân gian vẫn hoạt động vô cùng sôi nổi. Bước vào triều Thanh, do tầng lớp thống trị coi trọng Phật giáo, thế lực Đạo giáo dần dần suy tàn.

Tín ngưỡng Đạo giáo chủ yếu bắt nguồn từ tư tưởng Đạo gia và thần thoại cổ đại. Trong quá trình phát triển, nó lại hấp thụ tư tưởng Nho gia và tinh thần Phật giáo, hình thành nên dòng văn hoá Đạo giáo độc đáo, có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của nền văn hoá cổ đại Trung Quốc. Trước hết, một số hoạt động của Đạo giáo hàm chứa tinh thần khoa học nhất định, nên đã có cống hiến ở một vài phương diện cho sự phát triển của một số ngành khoa học kỹ thuật. Thí dụ, thuật luyện đan có liên quan đến việc phát minh ra thuốc súng và sử dụng thuốc súng của người Trung Quốc cổ đại, đồng thời là mốc khởi đầu cho ngành công nghiệp luyện kim và công nghiệp hoá học ở Trung Quốc sau này. Việc dùng thuốc trị bệnh đã thúc đẩy ngành y dược phát triển. Tiếp đến, phép dưỡng sinh của Đạo giáo chính là nguồn gốc trực tiếp của các hoạt động thể thao ngày nay như khí công, võ thuật, thái

cực quyền, ...Hiện tại, lí luận dưỡng sinh của Đạo giáo vẫn còn là vấn đề được nhiều người quan tâm, nghiên cứu. Sau nữa, tư tưởng thành tiên của Đạo giáo và quan niệm về tiên giới đã kích thích trí tưởng tượng của đông đảo văn nghệ sĩ. Riêng ở lĩnh vực văn học, trước hết nó đã góp phần làm phong phú sắc thái lãng mạn trong nhiều tác phẩm văn chương qua các thời kỳ khác nhau. Nhà thơ Lý Bạch thời Đường là đại diện tiêu biểu nhất trong số đó. Lại như, một số tác phẩm thành văn hoặc truyền miệng được lưu truyền rộng rãi trong dân gian, như Phong thần diễn nghĩa, Tây du ký và Câu chuyện Bát tiên thì đều trực tiếp lấy đề tài từ các hoạt động thần tiên của Đạo giáo. Cuối cùng, ở lĩnh vực phong tục và tập quán dân gian, có không ít ngày lễ tết truyền thống thấm đượm nội dung Đạo giáo. Nhiều vị thần của tôn giáo này, như Ngọc Hoàng đại đế, Vương mẫu nương nương, Văn Xương đế quân, Quan Thánh đế quân, ...đã trở thành tín ngưỡng phổ biến trong dân gian, có ảnh hưởng sâu sắc đối với kết cấu tâm lý văn hoá của mọi người.

HƯƠNG THẢO (biên khảo)

SÁCH THAM KHẢO

1. *Trung Quốc lịch sử tam bách đề*, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1989
2. *Trung Quốc văn hoá yếu lược*, Bắc Kinh, Nhân dân xuất bản xã, 1994
3. *Trung Quốc triết học tam bách đề*, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1988